TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 172/2019/DS-PT
Ngày: 13/3/2019
Vv Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Đức Hạnh

2/ Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cảm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/DSPT ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 788/2018/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 615/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Vũ L, sinh năm 1990
Địa chỉ: 2426/19 PT, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Lệ T, sinh năm 1966
Địa chỉ: 2299/22 PT, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1 Bà Nguyễn Thị Phương Minh K, sinh năm 1989
Địa chỉ: 2426/19 PT, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
3.2 Bà Vũ Minh C, sinh năm 1975
Địa chỉ: 2426/19 PT, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt - có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Vũ L trình bày:

Ngày 04/5/2015 ông L cho bà Đỗ Thị Lệ T vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, theo hợp đồng vay tiền số 002020 ngày 04/5/2015, lập tại Văn phòng công chứng BH, thời hạn vay 01 năm, kể từ ngày ký hợp đồng, hai bên thỏa thuận không lãi suất. Thực hiện hợp đồng ông L đã giao cho bà T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Khi hết thời hạn hợp đồng, ông L đã nhiều lần liên hệ bà T yêu cầu bà T trả lại số tiền nợ vốn nhưng bà T không trả. Vì vậy, ông L khởi kiện bà T yêu cầu thanh toán số tiền nợ vốn là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hợp đồng vay tiền được kí kết giữa ông L và bà T nên ông L chỉ yêu cầu một mình bà T thanh toán số tiền trên, không liên quan đến ai khác.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị Lệ T trình bày:

Khoảng đầu năm 2012, bà T vay của bà Vũ Minh C số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Hai bên lập giấy vay tiền nhưng bà T không có giữ giấy vay tiền, mỗi tháng bà T có đóng tiền lãi cho bà C số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng đến khoảng tháng 03/2015 bà T ngưng không trả lãi. Ngày 04/5/2015, bà C đề nghị bà T ra Văn phòng công chứng BH ký hợp đồng vay tiền với ông L vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Kể từ khi kí hợp đồng, bà T vẫn đóng tiền lãi hàng tháng cho ông L số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tuy nhiên, trong thời gian đóng tiền lãi, ông L có những lời nói hăm dọa và cho người đến đập phá nhà của bà T nên khoảng tháng 05/2016, bà T ngưng không trả tiền lãi. Nay bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu bà trả số tiền nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng vì bà không nhận tiền vay của ông L.

Theo bản tự khai ngày 25/8/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Phương Minh K trình bày: Bà là vợ của ông Đào Vũ L, ngày 04/5/2015, ông L cho bà T vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, việc vay mượn giữa hai bên bà K không biết và số tiền trên là tài sản riêng của ông L. Do đó việc ông L khởi kiện bà T, ông L tự quyết định và bà K xin được vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không khiếu nại gì.

Theo bản tự khai ngày 22/9/2017 và biên bản hòa giải ngày 29/01/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Minh C trình bày: Bà T cho rằng có vay của bà C số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, hai bên có lập giấy vay tiền vào khoảng năm 2012. Bà C khẳng định có cho bà T mượn nhiều lần tiền nhưng hai bên tự giải quyết không có lập giấy tờ gì và do không có chứng cứ gì chứng minh việc vay mượn tiền giữa hai bên. Do đó bà C không khởi kiện bà T, ngoài ra bà T trình bày có trả tiền lời hàng tháng cho bà C thì bà C không thừa nhận và qua quen biết bà T có hỏi vay mượn tiền, bà C giới thiệu Long là cháu ruột cho bà T, còn việc vay tiền giữa hai bên như thế nào thì bà C hoàn toàn không biết và không liên quan nên bà C xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử, cam kết không khiếu nại gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 788/2018/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đào Vũ L:

Buộc bà Đỗ Thị Lệ T có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Vũ L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Lệ T phải chịu số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đào Vũ L không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 5.050.000 (năm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng cho ông Đào Vũ L đã nộp theo biên lai thu số 0001591 ngày 21/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 28/12/2018, bị đơn – bà Đỗ Thị Lệ T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phần tranh luận:

- Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không nhận tiền vay của nguyên đơn theo hợp đồng công chứng mà phía nguyên đơn xuất trình tại Tòa nên không đồng ý trả.

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm. Phía bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn là không đúng, vì việc bị đơn vay tiền có hợp đồng công chứng và bị đơn trực tiếp viết vào mặt sau của hợp đồng công chứng là đã nhận đủ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền lập ngày 04/5/2015 tại Văn phòng công chứng BH, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ngày 04/5/2015 bà Đỗ Thị Lệ T vay của ông Đào Vũ L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay 01 năm, không có lãi, việc giao tiền ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên nhưng tại phần sau của hợp đồng công chứng bà T có viết xác nhận đã nhận đủ số tiền vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Phía bị đơn kháng cáo không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn vì cho rằng không vay tiền của nguyên đơn theo hợp đồng trên nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] .Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị Phương Minh K và bà Vũ Minh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 13/3/2019 nhưng cả hai đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Căn cứ "Hợp đồng vay tiền" lập ngày 04/5/2015 tại Văn phòng công chứng BH, Thành phố Hồ Chí Minh do nguyên đơn cung cấp và lời khai xác

nhận của bị đơn về việc có ký hợp đồng vay tiền trên với nguyên đơn thể hiện ngày 04/5/2015 bị đơn - bà Đỗ Thị Lệ T vay của nguyên đơn - ông Đào Vũ L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay 01 năm, không có lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T cũng xác nhận: bà đã viết tay và ký tên xác nhận "Đã nhận đủ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng vào mặt sau hợp đồng vay tiền.

[2.2]. Phía bị đơn kháng cáo không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn vì cho rằng khoảng đầu năm 2012, bị đơn có vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng của bà Vũ Minh C, hai bên lập giấy vay tiền nhưng bà không giữ giấy, mỗi tháng bà có đóng tiền lãi cho bà C số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu) đồng đến tháng 3/2015 thì ngưng. Đến ngày 04/5/2015, bà C yêu cầu bị đơn ra VĂn phòng công chứng BH ký hợp đồng vay ông L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nhưng thực chất bị đơn không nhận tiền từ ông L. Sau khi ký hợp đồng công chứng, mỗi tháng bị đơn có trả tiền lãi cho nguyên đơn 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tuy nhiên, lời khai trên của bị đơn không được phía ông L và bà C thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời khai trên của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2.3].Việc các bên thỏa thuận vay thời hạn 01 năm (đã hết hạn vay từ năm 2016) nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả khoản nợ gốc, không yêu cầu tính lãi, do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 471; 474 và 478 của Bộ luật dân sự 2005 buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng là đúng pháp luật.

[2.4].Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.5]. Phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm là có cơ sở.

[2.6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm. Đề nghị trên của Viện kiểm sát là đúng pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Đỗ Thị Lệ T không được chấp nhận, căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Đỗ Thị Lệ T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 788/2018/DS - ST ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đào Vũ L:

Buộc bà Đỗ Thị Lệ T có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Vũ L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đào Vũ L không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 5.050.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho ông Đào Vũ L đã nộp theo biên lai thu số 0001591 ngày 21/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn – bà Đỗ Thị Lệ T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0018889 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4.Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa